

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:107/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Như L, sinh năm:1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Như L chung sống với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bà L không tôn trọng chồng và gia đình chồng nên ông bà đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Như L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 27/7/1989. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Như L trình bày: Giữa bà và ông H chung sống với nhau năm 1989, không có đăng ký kết hôn, do thời điểm đó hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ông bà phải lo đi làm ăn nên không có đi đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn như ông H trình bày là không đúng, giữa bà và ông H không có mâu thuẫn gì lớn, ông H có người phụ nữ khác nên mới yêu cầu xin ly hôn với bà. Nay bà vẫn còn thương chồng nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 27/7/1989. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, ông H yêu cầu được ly hôn với bà L nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà L có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Như L chung sống vợ chồng vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 27/7/1989. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Xét thấy, con chung Nguyễn Huỳnh T đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: ông H và bà L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ông H và bà L không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Như L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005295 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Như L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh

